|  |  |
| --- | --- |
| **UBND HUYỆN GIA LÂM**TRƯỜNG THCS CAO BÁ QUÁT | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II - LỚP 9****NĂM HỌC 2020 - 2021**Môn thi:**ĐỊA LÝ** *Thời gian làm bài :* *45 phút không kể thời gian phát đề.*  |
| ***( Đề có 04 trang*)** |
|  |
| Họ và tên thí sinh: ....................................................Số báo danh: ................... | **Mã đề** **thi 001** |
|  |

**Câu 1:** Các tỉnh, thành phố nào của Đông Nam Bộ tiếp giáp Cam –pu – chia?

A. Bình Dương,Bình Phước B.TP HCM, Bà Rịa – Vũng Tàu.

C. Tây Ninh, Bình Phước. D. Đồng Nai, Bình Dương.

**Câu 2:** Hai loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Đông Nam Bộ là:

A. Đát xám và đất phù sa B. Đất badan và đất feralit

C. Đất phù sa và đất feralit D. Đất badan, đất xám trên phù sa cổ.

**Câu 3 :** Khó khăn của ĐNB đối với phát triển kinh tế là:

A. Chỉ có hai tỉnh và thành phố giáp biển (TP HCM và Bà Rịa )

B. Đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường

C. Ít khoáng sản, rừng và nguy cơ ô nhiễm môi trường.

D. Tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái

**Câu 4 :** Đặc điểm nào không đúng với vùng Đông Nam Bộ ?

A. Dân cư đông đúc, mật độ dân số khá cao

B. Thị trường tiêu thụ hạn chế do đời sống nhân dân ở mức cao

C. Lực lượng lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

D. Có sức hút mạnh mẽ với lao động cả nước.

**Câu 5.** Tỉ lệ dân số thành thị ở Đông Nam Bộ đạt

1. Hơn 50 % B. Dưới 40 % C. 30 % D. Khoảng 10 %

**Câu 6.** Trong cơ cấu GDP của Đông Nam Bộ, chiếm tỉ trọng lớn nhất là ngành

A. Nông, lâm, ngư nghiệp B. Dich vụ

C. Công nghiệp xây dựng D. Khai thác dầu khí

**Câu 7.** Các ngành công nghiệp hiện đại đã hình thành và phát triển ở Đông Nam Bộ là

A. Dệt – may, da- giầy, gốm sứ B. Dầu khí, phân bón, năng lượng

C. Chế biến LT-TP, cơ khí D. Dầu khí, điện tử, công nghệ cao

**Câu 8.** Cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều nhất ở ĐNB là

A. Chè B. Cà phê C. Cao su D. Hồ tiêu

**Câu 9.** Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây trồng ở Đông Nam Bộ là

A. Thủy lợi B. Phân bón

C. Bảo vệ rừng đầu nguồn D. Phòng chống sâu bệnh

**Câu 10**. Trên diện tích 23.550 km2 và số dân 10,9 triệu ng­­ười (năm 2002), Đông Nam Bộ có mật độ dân số là:

A. 436 ngư­­ời/km2. B. 643 ng­­ười/km2. C. 463 ng­­ười/km2. D. 346 ng­­ười/km2.

**Câu 11.** Đi từ đất liền ra đến ranh giới vùng biển quốc tế, các bộ phận của vùng biển nước ta lần lượt là

A. nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế

B. tiếp giáp lãnh hải, lãnh hải, đặc quyền kinh tế, nội thủy

C. lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, nội thủy, đặc quyền kinh tế

D.đặc quyền kinh tế, nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải

**Câu 12.** Quần đảo Hoàng Sa thuộc địa phận tỉnh

A. Phú Yên B. Vũng Tàu C. Đà Nẵng D. Nha Trang

**Câu 13.** Khoáng sản quan trọng nhất của vùng ven biển các tỉnh Quảng Ninh, Khánh Hòa là

A. dầu khí   B. vàng C. muối     D. cát thủy tinh

**Câu 14:** Những thùng dầu đầu tiên được khai thác ở vùng thềm lục địa phía Nam nước ta vào năm

A. 1966 B. 1976 C. 1996 D. 1986

**Câu 15:**  Đảo lớn nhất Việt Nam là

A. Phú Quý B. Phú Quốc C. Côn Đảo. D. Cát Bà

**Câu 16:** Ngành khai thác và chế biến dầu khí chủ yếu tập trung tại

A. Bà Rịa – Vũng Tàu B. TP Hồ Chí Minh C. Cần Thơ    D. Kiên Giang.

**Câu 17:** Hạn chế lớn nhất về mặt tự nhiên đối với phát triển kinh tế-xã hội ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là
A. thiếu nước ngọt, hiện tượng xâm nhập mặn vào mùa khô.
B. đất nghèo nguyên tố vi lượng, đất chặt, độ chua lớn.
C. bão, lũ lụt thường xuyên xảy ra.
D. thiếu lao động kĩ thuật cao.

**Câu 18:** Nói “*Đồng bằng sông Cửu Long là vựa lúa số 1 của cả nước*” vì vùng này

A. chiếm hơn 50% sản lượng lúa gạo của cả nước

B. có điều kiện tốt để canh tác.

C. chiếm hơn 50% diện tích và sản lượng lúa gạo của cả nước.

D. chiếm hơn 50% diện tích canh tác canh tác lúa gạo của cả nước.

**Câu 19:** Trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long, nhóm ngành chiếm tỉ trọng lớn nhất là

A. công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm. B. công nghiệp cơ khí

C. sản xuất vât liệu xây dựng D. sản xuất hàng tiêu dùng.

**Câu 20:** Nguồn lợi do lũ mang lại ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

A. Bồi đắp thêm nhiều lớp phù sa màu mỡ.

B. Đem đến nguồn lợi thuỷ sản phong phú.

C. Thau chua, rửa mặn.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 21:** So với Đồng bằng sông Hồng, thế mạnh về sản xuất l­ương thực của Đồng bằng sông Cửu Long thể hiện ở:

A. Năng suất lúa. B. Cơ cấu mùa vụ. C. Cơ cấu giống lúa. D. Diện tích trồng lúa.

**Câu 22:** Cho bảng số liệu: *Năng suất lúa của đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long và của cả nước thời kì 1995 - 2005 (Đơn vị: tạ/ha)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 1995 | 2000 | 2002 | 2005 |
| Đồng bằng sông Hồng | 44,4 | 55,2 | 56,4 | 54,4 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 40,2 | 42,3 | 46,2 | 50,3 |
| Cả nước | 36,9 | 42,4 | 45,9 | 48,9 |

Dạng biểu đồ phù hợp nhất thể để thể hiện năng suất lúa ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long trong thời kỳ 1995 - 2005 là:

A. Cột chồng. B. Miền. C. Cột kép (hoặc đường) D. Tròn.

**Câu 23:** Thế mạnh về mạng lư­ới sông ngòi không phải là của Đồng bằng sông Cửu Long là:

A. Trồng lúa n­ước và cây ăn quả. B. Nuôi trồng thuỷ sản.

C. Phát triển thuỷ điện. D. Giao thông vận tải và du lịch.

**Câu 24:** Trong việc sử dụng đất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long, biện pháp hiệu quả, bền vững nhất là:

A. Xây hồ chứa để dự trữ n­ước tư­ới cho mùa khô. B. Đắp đê ngăn lũ.

C. Trồng cây chống xói mòn, ngăn mặn. D. Cải tạo đất kết hợp với công tác thuỷ lợi.

 **Câu 25**: Đồng bằng sông Cửu Long không tiếp giáp với:

A. Tây Nguyên. B. Cam-pu-chia. C. Vịnh Thái Lan. D. Đông Nam Bộ

**Câu 26** : Nguyên nhân cơ bản của việc đánh hải sản bắt ven bờ quá mức cho phép là

A. tàu thuyền nhỏ, thiếu vốn và kĩ thuật

B. kinh nghiệm, truyền thống khai thác thủy sản của nhân dân.

C. biển nhiều thiên tai.

D. nguồn thủy sản chủ yếu tập trung ở vùng ven bờ.

**Câu 27** : Vùng biển Việt Nam có khoảng bao nhiêu đảo?

1. 2000 B. 3000 C.4000 D.5000

**Câu 28.** Nghề làm muối phát triển nhất ở các tỉnh thuộc

A. Duyên hải Nam trung bộ. B. Đông bắc Bắc bộ.

C. Đồng bằng sông Hồng.D. Tây Nguyên

**Câu 29.** Vùng nội thuỷ nước ta được xác định:

A. Từ ranh giới đường bờ biển ra đến vùng lãnh hải.

B. Từ ranh giới đường bờ biển ra đến vùng tiếp giáp lãnh hải.

C. Từ ranh giới đường bờ biển ra đến vùng biển quốc tế.

D. Từ ranh giới đường bờ biển ra đến đường cơ sở.

**Câu 30.** Vùng biển thuộc chủ quyền Việt Nam rộng khoảng:

A. 0.5 triệu km2. B. 1 triệu km2. C. 2 triệu km2. D. 2.5 triệu km2.

**Câu 31.** Thành phố tương đương cấp tỉnh không giáp biển của nước ta là:

A. Cần Thơ. B. Đà Nẵng. C. Thành phố Hồ Chí Minh. D. Hải Phòng.

**Câu 32:** Tổng trữ lượng hải sản ở vùng biển nước ta vào khoảng:

A. 2 triệu tấn. B. 3 triệu tấn. C. 4 triệu tấn. D. 5 triệu tấn.

**Câu 33.** Trong các nhận định dưới đây, nhận định chưa chính xác là:

A. Nước ta có đường bờ biển dài và vùng biển rộng.

B. Nguồn tài nguyên biển đảo nước ta phong phú.

C. Vùng biển nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển.

D. Hệ thống đảo và quần đảo của nước ta ít có giá trị về kinh tế.

**Câu 34:** Dựa vào Atlat, cho biết:Các bãi biển xếp theo thứ tự từ Bắc vào Nam của nước ta là:

A. Nhật Lệ, Đồ Sơn, Nha Trang, Non Nước, Mũi Né.

B. Đồ Sơn, Non Nước, Nha Trang, Mũi Né, Nhật Lệ.

C. Đồ Sơn, Nhật Lệ, Non Nước, Nha Trang, Mũi Né.

D. Đồ Sơn, Non Nước,Nhật Lệ, Mũi Né, Nha Trang.

**Câu 35:** Cánh đồng muối Cà Ná nổi tiếng ở nước thuộc tỉnh:

A. Khánh Hoà. B. Ninh Thuận. C. Bình Thuận. D. Bà Rịa - Vũng Tàu.

**Câu 36:** Đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, trong số các ngành kinh tế biển thì công nghiệp dầu khí được đánh giá là:

A. Ngành không có ý nghĩa gì.

B. Không quan trọng bằng các ngành kinh tế biển khác.

C. Ngành kinh tế biển quan trọng.

D. Ngành kinh tế biển mũi nhọn, chiếm vị trí quan trọng hàng đầu.

**Câu 37:** Cho *Bảng số liệu thể hiện tỉ trọng của một số sản phẩm công nghiệp trọng điểm ở Đông Nam Bộ so với cả nước, năm 2001 (cả nước = 100%)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên sản phẩm | Dầu thô | Điệnsản xuất | Động cơ điêden | Sơn hóa học | Xi măng |
| Tỉ trọng so với cả nước (%) | 100,0 | 47,3 | 77,8 | 78,1 | 17,6 |

**Loại biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tỉ trọng một số sản phẩm tiêu biểu của các ngành công nghiệp trọng điểm ở Đông Nam Bộ so với cả nước là**

1. biểu đồ tròn C. biểu đồ cột
2. biểu đồ cột trồng D. biểu đồ miền.

**Câu 38:** Trong các nhận định sau, nhận định chưa chính xác là:

A. Tài nguyên sinh vật biển của nước ta đang dần cạn kiệt.

B. Ô nhiễm môi trường biển có xu hướng gia tăng.

C. Một số loài hải sản có nguy cơ tuyệt chủng (như cá mòi, cá cháy,…).

D. Diện tích rừng ngập mặn ở nước ta có xu hướng ngày càng tăng.

**Câu 39*:*** Dựa vào Atlat địa lý Việt Nam, cho biết***:*** Sông Mê Công đổ vào nước ta tại địa phận tỉnh

A. Long An C. An Giang

B. An Giang. D. Hậu Giang

**Câu 40.** §iÓm cùc nam cña n­íc ta n»m ë tØnh

A. Cà Mau B. Kiên Giang C. Cần Thơ D. Hồ Chí Minh.

***--- Hết----***